TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2026/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương, là cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Huỳnh Hoàng Thuận, là Giáo viên Trường THPT Trần Văn Ơn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 7 năm 2026, Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 397/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2026/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 6 năm 2026 với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 2001 tại tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau); nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: lao động tự do. trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2025.

2. Lê Tiến D, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 1 đường số A, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Lê Xuân K, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị O, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Tăng Thị T1, sinh năm 1991 và có 04 người con là Lê Hoàng Ngọc N, sinh năm 2008; Lê Hoàng Ngọc M, sinh ngày 09/5/2013; Lê Gia H1, sinh ngày 04/6/2017 và Lê Thanh H2, sinh ngày 13/8/2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/7/2006 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18

tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án số 341/2006/HS-PT); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 06/5/2025.

3. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992 tại tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 07/5/2025.

4. Giang Thị Thanh T2, sinh năm 1998 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang); chỗ ở: E đường A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Giang Tấn P (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1971; bị cáo có 02 người con là Giang Thị Ngọc H3, sinh ngày 20/6/2022 và Trần Hoàng T4, sinh ngày 01/4/2025; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không tạm giam.

5. Võ Thanh K1, sinh ngày 05/01/2007 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Võ Văn Ú, sinh năm 1973 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 05/5/2025.

6. Huỳnh Nhật Y, sinh ngày 04/12/2007 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi đăng ký thường trú: Tổ E, ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã U, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Huỳnh Văn X (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm tạm giam từ ngày 05/5/2025.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Phan Văn T6, là Luật sư Công ty Luật TNHH ADB Sài Gòn Đoàn luật sư Thành phố H, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T. Có mặt

2. Ông Nguyễn Tấn L1, là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (trụ sở 2), là người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Nhật Y. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Huỳnh Thanh K2, sinh ngày: 19/5/2009, nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh S2, nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang (cha cháu K2). Vắng mặt

2. Ông Lê Thanh L2, sinh năm 2000, nơi cư trú: tổ C, ấp V, xã P, tỉnh An Giang. Vắng mặt

3. Bà Võ Thị Quyền T7, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 45 phút ngày 05/5/2025, Tổ công tác Công an phường A kiểm tra hành chính cơ sở trọ tại địa chỉ: E, đường L, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi kiểm tra phòng số 14B, Tổ công tác nghi vấn Huỳnh Nhật Y, Võ Thanh K1, Nguyễn Thành L3, Huỳnh Thanh K2 (sinh ngày 19/5/2009) sử dụng trái phép chất ma túy, qua đấu tranh K1, Y và K2 thừa nhận có sử dụng ma túy, L3 không sử dụng ma túy. Sau đó, Võ Thanh K1 lấy trong túi quần jeans 01 gói nylon bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1951 gam do K1 mua hộ Y, K2 từ Lê Tiến D nên Cơ quan Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Mở rộng xác minh, vào lúc 15 giờ ngày 06/5/2025, Cơ quan điều ra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Tiến D tại nhà số A D, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 01 hộp nhôm màu cam bên trong chứa 04 túi nylon đựng ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,3093 gam; 01 túi nylon miệng kéo dính viền đỏ chứa ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,0454 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 lọ thủy tinh gắn 01 ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh); 01 cân điện tử màu bạc in chữ QC.PASS; 01 cân điện tử màu đen in chữ QC.PASS; 08 đoạn ống thủy tinh; 08 nỏ thủy tinh. Lê Tiến D khai nhận mua ma túy của Nguyễn Văn Q về bán lại kiếm lời.

Vào lúc 16 giờ ngày 06/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Q, địa chỉ: Phòng trọ số A, cơ sở trọ 56C/1 đường L, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), qua khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Nguyễn Văn Q khai mua ma túy của Nguyễn Văn T về bán lại kiếm lời.

Vào lúc 11 giờ ngày 06/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại phòng trọ số 6, địa chỉ: 8, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) thu giữ: 01 hộp giấy màu xám sọc ca rô trắng đựng 01 túi nylon miệng kéo dính viền đỏ (loại lớn) chứa ma túy loại Methamphetamine khối lượng 33,3419 gam; 01 túi nylon miệng kéo dính viền đỏ (loại nhỏ) chứa ma túy loại Methamphetamine khối lượng 4,6190 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm

01 vỏ chai nhựa nhãn hiệu STING gắn 01 ống hút nhựa), 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scale; 20 túi nylon miệng kéo dính viền đỏ không chứa gì; 10 ống giấy kiếng không chứa gì.

Vào lúc 10 giờ ngày 06/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giang Thị Thanh T2 tại phòng trọ số 25A, địa chỉ: E, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 01 hộp giấy màu đỏ in chữ JOBON bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy loại Methamphetamie khối lượng 2,0171 gam; 01 kéo bằng kim loại màu bạc; 05 gói nylon hàn kín không chứa gì; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh bị cắt nhọn một đầu và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa nhãn hiệu BIWASE gắn 01 đoạn ống hút nhựa và 01 nỏ thủy tinh); 01 cân điện tử màu đen không nhãn hiệu. Giang Thị Thanh T2 khai nhận mua ma túy của Nguyễn Văn Q với giá 1.400.000 đồng hình thức chuyển khoản cho Q.

Kết quả xét nghiệm ma túy: Võ Thanh K1, Lê Tiến D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Giang Thị Thanh T2 dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine, A; Nguyễn Thành L3, Huỳnh Nhật Y âm tính với chất ma túy.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Võ Thanh K1, Lê Tiến D, Nguyễn Văn T, Giang Thị Thanh T2 đã được giám định và kết luận tại các Kết luận giám định số 2056/KL-KTHS(MT), 2057/KL-KTHS(MT), 2058/KL-KTHS(MT), 2059/KL-KTHS(MT) ngày 13/5/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh B.

Kết quả điều tra xác định:

1. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Huỳnh Nhật Y, Võ Thanh K1.

Khoảng 17 giờ 36 phút ngày 05/5/2025, Huỳnh Thanh K2 rủ Huỳnh Nhật Y góp tiền mua ma túy sử dụng, Y đồng ý và vay 200.000 đồng của D1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để góp, K2 góp 100.000 đồng. Sau đó, K2 nhờ D1 chuyển 300.000 đồng vào tài khoản số 10343131099 của Võ Thanh K1 tại Ngân hàng T10 và nhờ K1 đến nhà của Lê Tiến D tại địa chỉ: A DC14, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) để mua ma túy. K1 gọi điện cho Nguyễn Thành L3 điều khiển xe mô tô biển số 67V2-1007 chở K1 đi công việc. Khi L3 chở K1 đến địa chỉ đường D thuộc khu phố D, phường A, thành phố T thì L3 đứng ở ngoài, K1 đi bộ vào nhà D hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy, D đưa cho K1 01 gói nylon miệng hàn kín bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine, K1 bỏ ma túy vào túi quần jeans bên phải rồi đi bộ ra chỗ L3 đứng chờ. Trên đường về K1 chuyển khoản cho D 300.000 đồng vào tài khoản số 0969876533 tại Ngân hàng TMCP Q3. Khi L3 chở K1 đến phòng trọ số 14B, cơ sở trọ 52E/1, đường L, khu phố A, phường A thì bị bắt quả tang, thu giữ 0,1951 gam Methamphetamine nên K2, Y chưa kịp sử dụng ma túy.

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Giang Thị Thanh T2; hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Tiến D.

Ngày 04/5/2025, Nguyễn Văn T mua ma túy loại Methamphetamine của đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội T8 với giá 10.500.000 đồng để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời, T nhận ma túy tại ngã ba chợ Đ thuộc phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 20 giờ ngày 04/5/2025, Lê Tiến D hỏi mua 50 số (5 gam) ma túy loại Methamphetamine của Nguyễn Văn Q, do không có ma túy nên Q đến phòng trọ của Nguyễn Văn T mua 50 số (5 gam), T báo giá 2.000.000 đồng, Q báo giá cho D 2.200.000 đồng và yêu cầu D chuyển khoản vào số tài khoản 973614372 tại Ngân hàng V1 tên Võ Thị Quyền T7 do Q sử dụng. Vì Q đang thiếu T số tiền 600.000 đồng nên T đã trừ tiền nợ và chỉ đưa cho Q 38 số (3,8 gam) ma túy tương đương với 1.600.000 đồng. Sau đó, Q đem 38 số (3,8 gam) ma túy về bán cho D và nợ D 12 số (1,2 gam) ma túy.

Khoảng 13 giờ ngày 05/5/2025, Giang Thị Thanh T2 gọi điện thoại cho Q hỏi mua 25 số (2,5 gam) ma túy loại Methamphetamine để về phân chia bán lại kiếm lời. Sau đó, Q đến phòng trọ của T để mua 25 số (2,5 gam) ma túy, T báo giá 1.300.000 đồng, Q gọi điện thoại cho T2 báo giá 1.400.000 đồng và yêu cầu T2 chuyển khoản cho Q. Sau khi mua ma túy của T thì Q đem ma túy đến phòng trọ của T2 tại khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giao cho T2. Tại đây, Q hỏi mượn lại 12 số (1,2 gam) ma túy để trả cho D, T2 đồng ý. Sau đó, Q đem 1,2 gam ma túy đến trả cho D. D yêu cầu Q thử ma túy đem trả cho D nên Q lấy một ít ma túy trong 1,2 gam bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của D, Q sử dụng ma túy xong thì đưa cho D số ma túy còn lại. Số ma túy này, D phân chia đem bán cho Võ Thanh K1 01 gói nhỏ với giá 300.000 đồng. Khi lực lượng Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở thu giữ 3,3547 gam ma túy loại Methamphetamine của D;

* Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Võ Thanh K1: 01 bì thư niêm phong ghi số 2056/PC09; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold gắn sim số 0352327622.

Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 bì thư niêm phong ghi số 2059/PC09; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO5 gắn sim số 0374799844; 01 hộp giấy màu xám sọc ca ro; 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scale; 20 túi nylon miệng kéo dính viền đỏ bên trong không chứa gì; 10 ống giấy kiếng không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Thu giữ của Lê Tiến D: 01 bì thư niêm phong ghi số 2057/PC09; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 08 nỏ thủy tinh; 08 đoạn ống thủy tinh; 01 hộp nhôm màu cam; 01 cân điện tử màu bạc in chữ QC.PASS; 01 cân điện tử màu đen in chữ QC.PASS.

Thu giữ của Nguyễn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A51 gắn sim số 0397434738.

Thu giữ của Giang Thị Thanh T2: 01 bì thư niêm phong ghi số

2058//PC09; 01 hộp giấy màu đỏ in chữ JOBON; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 kéo kim loại màu bạc; 05 gói ny lon hành kín không chứa gì; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh bị cắt nhọn một đầu; 01 cân điện tử màu đen không in nhãn hiệu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Reamlme gắn sim số 0374553074.

Bản Cáo trạng số 775/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Công văn số 427/VKS-P1 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Tiến D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Giang Thị Thanh T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Thanh K1, Huỳnh Nhật Y về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và xác định: về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; về nhân thân: bị cáo Lê Tiến D đã bị Tòa án có thẩm quyền xét xử, các bị cáo khác chưa có tiền án, tiền sự.

Kiểm sát viên đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 16 năm đến 17 năm tù;

Áp dụng các điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức hình phạt từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Tiến D mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Giang Thị Thanh T2 mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 119 Luật Tư pháp

người chưa thành niên; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật Y mức hình phạt bằng mức hình phạt bị cáo đã bị tạm giam, trả tự do bị cáo Y tại phiên tòa.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Thanh K1 mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự áp xử phạt tiền bổ sung: Bị cáo T 20.000.000 đồng; bị cáo Q 10.000.000 đồng; bị cáo D 5.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư được niêm phong ghi số 2056/PC09 - Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B; 01 bì thư được niêm phong ghi số 2057/PC09 - Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H); 01 bì thư được niêm phong ghi số 2058/PC09 Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H); 01 bì thư được niêm phong ghi số 2059/PC09- Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H); 01 hộp giấy màu xám sọc ca ro; 01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scale; 20 túi ny lon miệng kéo dính viền đỏ bên trong không chứa gì; 10 ống giấy kiến không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp giấy màu đỏ in chữ JOBON; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 kéo kim loại màu bạc; 05 gói ny lon hàn kín không chứa gì; 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh bị cắt nhọn một đầu; 01 cân điện tử màu đen không in nhãn hiệu; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 08 nỏ thủy tinh, 08 đoạn ống thủy tinh; 01 hộp nhôm màu cam; 01 cân điện tử màu bạc in chữ QC.PASS; 01 cân điện tử màu đen in chữ QC.PASS.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold gắn sim số 0352327622; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh gắn sim số 0393720060; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO5 gắn sim số 0374799844; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A51 gắn sim số 0397434738; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Reamlme gắn sim số 0374553.

- Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, gồm: Bị cáo T phải nộp phải nộp lại 2.900.000 đồng; bị cáo D 300.000 đồng; bị cáo Q 300.000 đồng; bị cáo T2 800.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Luật sư Phan Văn T6 trình bày: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo bị cáo T, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Nhật Y, Luật sư Nguyễn Tấn L1 trình bày: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với

bị cáo bị cáo Y, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Y thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất cho bị cáo Y và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải và mong muốn được xử mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong các ngày đầu tháng 5 năm 2025 trên địa bàn phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) bị cáo Nguyễn Văn T bán ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn Q khối lượng 05 gam vào ngày 04/5/2025 và 2,5 gam ma túy loại Methamphetamine vào ngày 05/5/2025. Khám xét nơi ở của bị cáo T thu giữ 38,2579 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích tàng trữ để bán cho người khác. Tổng khối lượng ma túy T mua bán là 45,7579 gam. Hành vi bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện đủ yếu tố cấu về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Q bán ma túy cho Lê Tiến D 05 gam loại Methamphetamine và bán cho Giang Thị Thanh T2 2,5 gam ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy Qui mua bán là 7,5 gam. Hành vi bị cáo Nguyễn Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Tiến D mua ma túy của Nguyễn Văn Q để sử dụng và bán. D đã bán ma túy cho Võ Thanh K1 khối lượng là 0,1951 gam ma túy loại Methaphetamine, ngoài ra khi khám xét chỗ ở của D thu ma túy có khối lượng

3,3547 gam với mục đích để bán. Đồng thời, Lê Tiến D còn cung cấp dụng cụ và ma túy cho Nguyễn Văn Q sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của mình, địa chỉ số A DC14, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), kết quả xét nghiệm ma túy Lê Tiến D và Nguyễn Văn Q dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Hành vi bị cáo Lê Tiến D đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Giang Thị Thanh T2 mua ma túy loại Methamphetamine của Nguyễn Văn Q vào ngày 05/5/2025 để phân chia thành các túi gói nhỏ bán lại kiếm lời, T2 cho Q mượn 1,2 gam ma túy và bị thu giữ 2,0171 gam Methamphetamine, sau đó do không có ma túy để trả lại cho T2 nên Q trả cho T2 số tiền 800.000 đồng. Tổng khối lượng ma túy Tiền mua bán là 3,2171 gam. Hành vi bị cáo Giang Thị Thanh T2 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Huỳnh Nhật Y và em Huỳnh Thanh K2 cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng. Sau đó K2 nhờ Võ Thanh K1 đi mua ma túy loại Methaphetamine, khối lượng là 0,1951 gam của Lê Tiến D đưa về cho K2 nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Như vậy, hành vi của Võ Thanh K1 là đồng phạm giúp sức cho Huỳnh Nhật Y trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi bị cáo Huỳnh Nhật Y, Võ Thanh K1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với em Huỳnh Thanh K2, sinh ngày 19/5/2009, khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (05/5/2025) có độ tuổi là 15 tuổi 11 tháng 16 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên Cơ quan điều tra đã chuyển Công an phường A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Võ Thanh K1, Huỳnh Nhật Y là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo Lê Tiến D và bị cáo Giang Thị Thanh T2 là còn nghiêm kha81v nên Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Đối với đề nghị áp dụng hình phạt tiền bổ sung của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tiến D, Nguyễn Văn Q Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù các bị cáo có thu lợi từ việc mua bán trái phép chất ma túy nhưng việc mua bán mang tính nhỏ lẻ, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung mà chỉ áp dụng hình phạt tù cũng đảm bảo giáo dục các bị cáo.

[3] Phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Nhật Y là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ra sự nghiện ngập và mầm mống của các tệ nạn xã hội khác nhưng vì lợi ích của việc mua bán trái phép chất ma túy và muốn có ma túy sử dụng nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, trong đó vụ án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Các bị cáo phạm tội với vai trò là người thực hành. Bị cáo Lê Tiến D có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án thẩm quyền xét xử về tội "Cố ý gây thương tích". Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Tiến D hiện nuôi 03 người con dưới 15 tuổi; bị cáo Nguyễn Văn Q là người không biết chữ nhận thức hạn chế; bị cáo Võ Thanh K1 có người thân là có công với Nhà nước nên các bị cáo D, Q, K1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo Huỳnh Nhật Y tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 05/5/2025) có độ 17 tuổi 05 tháng 01 ngày nên áp dụng quy định Luật Tư pháp người chưa thành niên khi quyết định hình phạt. Xét thấy bị cáo Y phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Qua thời gian tạm giam cũng đã đảm bảo giáo dục nên áp dụng mức hình phạt tù bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam. Trả tự do cho bị cáo Huỳnh Nhật Y tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ tạm giam về tội phạm phác.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 bì thư được niêm phong ghi số 2056/PC09, 01 bì thư được niêm phong ghi số 2057/PC09, 01 bì thư được niêm phong ghi số 2058/PC09, 01 bì thư được niêm phong ghi số 2059/PC09 là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an Thành phố H) đây là chất cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Các vật dụng thu giữ trong vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tiến D, Nguyễn Văn Q, Giang Thị Thanh T2 có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội, buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với Nguyễn Thành L3 được Võ Thanh K1 nhờ chở đến khu vực

gần nhà của Lê Tiến D nhưng L3 không biết K1 đi mua ma túy nên không có cơ sở xử lý.

[10] Đối với Võ Thị Quyền T7 cho Nguyễn Văn Q mượn căn cước công dân để đăng ký mở tài khoản Ngân hàng V1 để Q sử dụng nhưng không biết Q sử dụng tài khoản để mua bán trái phép chất ma túy nên không có cơ sở xử lý.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 5/2025 nay mới được đưa ra xét xử nên áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 16 (mười sáu) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2025.

- Căn cứ các điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Tiến D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành cả hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Giang Thị Thanh T2 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thanh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2025.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Nhật Y 01 (một) năm 02 (hai) tháng 11 (mười một) ngày tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 05/5/2025 đến ngày 15/7/2026. Trả tự do bị Huỳnh Nhật Y tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2056/PC09 -Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H). Bên ngoài bì thư có chữ ký của người có đồ vật tài liệu bị niêm phong Võ Thanh K1; chữ ký người chứng kiến Nguyễn Thành L3; chữ ký cán bộ niêm phong Nguyễn Cao V, chữ ký Điều tra viên – Trung tá Phan Văn Q1 và hình dấu đỏ tròn của Công an phường A, tỉnh Bình Dương, (kèm theo kết luận giám định số 2056/KL-KTHS(MT) ngày 13/05/2025. Đồng thời bên ngoài bị thư còn có chữ ký người chứng kiến Võ Thanh K1, chữ ký bên nhận Nguyễn Cao V, chữ ký bên trả Nguyễn Thiện Q2 và hình dấu đỏ tròn của phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H).

01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2057/PC09 -Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H). Bên ngoài bì thư có chữ ký của người có đồ vật tài liệu bị niêm phong Lê Tiến D; chữ ký người chứng kiến Lữ Bảo H4; chữ ký cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, chữ ký Điều tra viên Hoàng Xuân T9 và hình dấu đỏ tròn của Công an phường A, tỉnh Bình Dương, (kèm theo kết luận giám định số 2057/KL-KTHS(MT) ngày 13/05/2025. Đồng thời bên ngoài bị thư còn có chữ ký người chứng kiến Lê Tiến D, chữ ký bên nhận Nguyễn Cao V, chữ ký bên trả Nguyễn Thiện Q2 và hình dấu đỏ tròn của phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H).

01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2058/PC09 -Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H). Bên ngoài bì thư có chữ ký của người có đồ vật tài liệu bị niêm phong Giang Thị Thanh T2; chữ ký người chứng kiến Võ Hà Hoài P1; chữ ký cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, chữ ký Điều tra viên Hoàng Xuân T9 và hình dấu đỏ tròn của Công an phường A, tỉnh Bình Dương, (kèm theo kết luận giám định số 2058/KL-KTHS(MT) ngày 13/05/2025. Đồng thời bên ngoài bị thư còn có chữ ký người chứng kiến Giang Thị Thanh T2, chữ ký bên nhận Nguyễn Cao V, chữ

ký bên trả Nguyễn Thiện Q2 và hình dấu đỏ tròn của phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H).

01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2059/PC09 Là mẫu vật hoàn lại của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H). Bên ngoài bì thư có chữ ký của người có đồ vật tài liệu bị niêm phong Nguyễn Văn T; chữ ký người chứng kiến Nguyễn Văn D1; chữ ký cán bộ niêm phong Thái Ngọc Tân, chữ ký Điều tra viên Hoàng Xuân T9 và hình dấu đỏ tròn của Công an phường A, tỉnh Bình Dương, (kèm theo kết luận giám định số 2059/KL-KTHS(MT) ngày 13/05/2025. Đồng thời bên ngoài bị thư còn có chữ ký người chứng kiến Giang Thị Thanh T2, chữ ký bên nhận Nguyễn Cao V, chữ ký bên trả Nguyễn Thiện Q2 và hình dấu đỏ tròn của phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Phòng K3 Công an thành phố H).

01 (một) hộp giấy màu xám sọc ca ro.

01 cân điện tử màu xám nhãn hiệu Digital Scale.

20 (hai mươi) túi ny lon miệng kéo dính viền đỏ bên trong không chứa gì.

10 (mười) ống giấy kiến không chứa gì.

01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

01 (một) hộp giấy màu đỏ in chữ JOBON.

01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

01 kéo kim loại màu bạc.

05 gói ny lon hàn kín không chứa gì.

01 đoạn ống hút nhựa màu xanh bị cắt nhọn một đầu.

01 cân điện tử màu đen không in nhãn hiệu.

01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

08 (tám) nỏ thủy tinh, 08 (tám) đoạn ống thủy tinh.

01 (một) hộp nhôm màu cam.

01 (một) cân điện tử màu bạc in chữ QC.PASS.

01 (một) cân điện tử màu đen in chữ QC.PASS

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng gold gắn sim số 0352327622. Không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không lên nguồn, tại thời điểm giao nhận điện thoại không kiểm tra được số điện thoại, số sơ ri, tại thời điểm giao nhận điện thoại không có niêm phong.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh gắn sim số 0393720060. Không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không lên nguồn, tại thời điểm giao nhận điện thoại không kiểm tra được số điện thoại, số sơ ri, tại thời điểm giao nhận điện thoại không có niêm phong.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO5 gắn sim số 0374799844. Không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không lên nguồn, tại thời điểm giao nhận điện thoại không kiểm tra được số điện thoại, số sơ ri, tại thời điểm giao nhận điện thoại không có niêm phong.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A51 gắn sim số 0397434738. Không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không lên nguồn, tại thời điểm giao nhận điện thoại không kiểm tra được số điện thoại, số sơ ri, tại thời điểm giao nhận điện thoại không có niêm phong.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Reamlme gắn sim số 0374553074. Không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy không lên nguồn, tại thời điểm giao nhận điện thoại không kiểm tra được số điện thoại, số sơ ri, tại thời điểm giao nhận điện thoại không có niêm phong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2026).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng, bị cáo Lê Tiến D phải nộp lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bị cáo Giang Thị Thanh T2 phải nộp lại số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Lê Tiến D, Giang Thị Thanh T2, Huỳnh Nhật Y, Võ Thanh K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo (06);
- VKSND Khu vực 16-TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Phân Trại tạm giam Lái Thiêu, thuộc Trại tạm giam Bố Lá, Công an TP. Hồ Chí Minh (06);
- Phòng THADS Khu vực 16-TP. Hồ Chí Minh (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (cấp Lý lịch tư pháp) (06);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (06);
- Lưu VT, HSVA, HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Sỹ Trứ